

**BỘ Y TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /BC - BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**BÁO CÁO**

**Tổng kết 12 năm thi hành Luật an toàn thực phẩm năm 2010**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và được sửa đổi, bổ sung năm 2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Bộ Y tế đã tiến hành rà soát, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật an toàn thực phẩm (ATTP) và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Ngày 22/8/2022, Bộ Y tế ban hành công văn số 4488/BYT-ATTP gửi các Bộ: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT), Công An, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Nội vụ và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật ATTP theo đề cương, gồm ba nhóm nội dung: (1) Về tình hình triển khai thi hành Luật ATTP; (2) Kết quả thực hiện, các khó khăn, vướng mắc khi triển khai thi hành Luật ATTP, nguyên nhân, biện pháp khắc phục; (3) Đề xuất, kiến nghị nội dung sửa đổi, bổ sung Luật ATTP.

Trên cơ sở báo cáo tổng kết của các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố; Bộ Y tế kính báo cáo Chính phủ tổng kết 12 năm thi hành Luật ATTP năm 2010 như sau:

## Phần thứ nhất

# KẾT QUẢ TRIỂN KHAI LUẬT AN TOÀN THỰC PHẨM

## A. TỔNG QUAN PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

### I. Pháp luật Việt Nam

#### 1. Kết quả đạt được

- Số liệu thống kê từ các bộ và UBND các tỉnh/thành phố, trong giai đoạn từ 2011 đến nay, hệ thống pháp luật về ATTP của Việt Nam đã có trên 250 văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) do các cơ quan trung ương ban hành, trong đó gồm: Luật ATTP và 14 văn bản Luật của Quốc hội có nội dung liên quan đến ATTP, 52 Nghị định hướng dẫn thi hành của Chính phủ, 18 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 17 Thông tư của Bộ Công Thương, 62 Thông tư của Bộ Y tế, 60 Thông tư của Bộ NN&PTNT, đặc biệt là Chỉ thị số 08-CT/TW ngày 21/10/2011, Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21/10/2022 của Ban bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới, trong đó Luật ATTP là văn bản có hiệu lực pháp lý chuyên ngành cao nhất quy định đầy đủ, toàn diện các nội dung về quản lý ATTP (*chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo*).

- Nhìn chung, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ban hành giai đoạn 2011-2023 đã thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về ATTP, cơ bản phù hợp các Điều ước, Hiệp định quốc tế mà Việt Nam ký kết tham gia, thống nhất và đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành. Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành cơ bản phù hợp với chuẩn mực, thông lệ quốc tế (được minh bạch hóa qua hệ thống thông tin và hỏi đáp SPS theo quy định của WTO).

- Nội dung các quy định đã bám sát các yêu cầu quản lý đối với thực phẩm nước ta, tập trung vào các vấn đề chính trong công tác quản lý ATTP, đó là: (i) Xây dựng Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; tổ chức bộ máy quản lý ATTP; (ii) Quy định phương thức quản lý ATTP; yêu cầu về điều kiện, sản xuất, kinh doanh, lưu thông, vận chuyển, quảng cáo thực phẩm; kiểm soát mối nguy trong quản lý ATTP; (iii) Phân công trách nhiệm quản lý giữa các Sở, ngành và địa phương theo các lĩnh vực thực phẩm; tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ các cơ quan trong quản lý ATTP, quy trình tổ chức thực hiện; (iv) Các công cụ kỹ thuật quản lý (tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phòng thử nghiệm, kiểm nghiệm; hướng dẫn kỹ thuật; chỉ tiêu, giới hạn cho phép tồn dư trong thực phẩm; (v) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về ATTP. Các quy định đã bám sát đối tượng/ loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm để có phương thức quản lý phù hợp; kiểm soát các nguy cơ gây mất an toàn đối với các loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm như sản xuất, kinh doanh thực phẩm tươi



sống, chế biến, xuất khẩu, nhập khẩu...

- Đã xây dựng được một hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn về thực phẩm, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước áp dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh thực phẩm cũng như kiểm soát ATTP. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn về ATTP cơ bản phù hợp với tiêu chuẩn của Ủy ban Tiêu chuẩn Thực phẩm quốc tế (Codex); một số quy định chưa có trong Codex hoặc đặc thù của quốc gia thì cũng hài hòa với quy định các nước phát triển như Mỹ, Nhật Bản, EU và các nước ASEAN.

- Các quy định về tổ chức bộ máy thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã từng bước được củng cố và hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu quản lý, khắc phục được tình trạng bất cập trong phân công, phân cấp quản lý ATTP.

- Các quy định về ATTP trong hoạt động thương mại hiện hành đã tạo hành lang pháp lý tích cực cho hoạt động kinh doanh thực phẩm trong nước cũng như quốc tế.

## II. Về pháp luật quốc tế

Hiện thực phẩm Việt Nam đã có mặt ở 3 thị trường lớn trên thế giới là Mỹ, Nhật Bản và EC với các yêu cầu quản lý ATTP khá nghiêm ngặt, cụ thể:

### 1. Pháp luật ATTP của Mỹ

- Mỹ có hệ thống pháp luật lâu đời về thực phẩm từ những năm đầu thế kỷ thứ 20; Năm 2015, Mỹ ban hành Bộ Luật hiện đại hóa an toàn vệ sinh thực phẩm (Food Safety Modernization Act - FSMA) để sửa đổi các quy định liên quan đến sản xuất thực phẩm, đáp ứng với những thay đổi mạnh mẽ trong hệ thống thực phẩm toàn cầu. Luật này có hiệu lực toàn diện vào năm 2019. Luật này đòi hỏi các biện pháp phòng ngừa toàn diện, kiểm soát chặt chẽ sản xuất thực phẩm trong nước và nhập khẩu.

- Một số nội dung trọng điểm của luật FSMA là: Các chiến lược bảo vệ thực phẩm khỏi bị làm giả một cách cố ý; vận chuyển thực phẩm cho người và động vật hợp vệ sinh; quy tắc sản xuất an toàn cuối cùng và báo cáo tác động môi trường; các chương trình xác nhận nhà cung cấp nước ngoài (FSVP); chứng nhận tin cậy của bên thứ ba; giám sát ngăn ngừa đối với Quy tắc cuối cùng thực phẩm cho người; kiểm soát ngăn ngừa đối với Quy tắc cuối cùng thực phẩm cho động vật. Tất cả nhằm mục tiêu:

***(1) Nâng cao trách nhiệm của các nhà nhập khẩu, theo đó các nhà nhập khẩu chịu trách nhiệm về các hành động bao gồm:***

Xác định các mối nguy có thể đoán trước được hoặc đã biết với từng thực phẩm; “Mối nguy” nghĩa là nhà nhập khẩu (và cả các nhà cung cấp nước ngoài của họ) phải phân tích và “lường trước” tất cả những rủi ro của thực phẩm; phải

ghi rõ các biện pháp đã thực hiện để ngăn ngừa trong quá trình sản xuất, vận chuyển và xử lý từng loại thực phẩm họ sản xuất.<sup>1</sup>

**(2) Bảo đảm ATTP thông qua:** (1) Đánh giá rủi ro của thực phẩm, dựa trên phân tích mối nguy và việc thực hiện của các nhà cung cấp. Việc đánh giá phải xem xét các yếu tố bao gồm: (i) Công thức thực phẩm; (ii) Điều kiện, chức năng và thiết kế của các cơ sở và thiết bị của một công ty sản xuất thực phẩm điển hình; (iii) nguyên liệu và các thành phần khác; (iv) Thực tiễn vận chuyển; (v) Quy trình khai thác, nuôi trồng, sản xuất, chế biến và đóng gói; (vi) Các hoạt động đóng gói và dán nhãn; (vii) lưu trữ và phân phối; (viii) cách sử dụng dự định và có thể lường trước; (ix) bảo đảm vệ sinh lao động; (2) Sử dụng đánh giá rủi ro của các thực phẩm nhập khẩu và việc thực hiện của các nhà cung cấp để chấp thuận nhà cung cấp; (3) Xác minh nhà cung cấp phù hợp.

**(3) Thực hiện các hoạt động khắc phục:** Luật mới cho phép FDA (Food and Drug Administration) ngăn chặn việc đưa vào thị trường Mỹ các thực phẩm bị pha trộn hoặc bị nhầm lẫn, bao gồm các thực phẩm có nguy cơ gây hại. Thực phẩm pha trộn có thể do nhiều yếu tố, bao gồm nhiễm bẩn vi khuẩn và hoá học, ôi thiu hoặc phân huỷ, có chứa một phụ gia không an toàn, được chuẩn bị, đóng gói và bảo quản trong điều kiện không vệ sinh, và thay các nguyên liệu giá trị bằng các nguyên liệu kém khác. Thực phẩm bị nhầm lẫn trên bao bì có thể do nhiều nguyên nhân, bao gồm không công bố các thành phần nhất định hoặc các chất gây dị ứng thực phẩm chính, và không tuân thủ các thông tin dinh dưỡng trên bao bì. Công cụ này cho phép FDA loại bỏ hiệu quả các thực phẩm khỏi kênh phân phối, trong khi cơ quan này thực hiện các hành động hợp pháp và thực thi khác.

- Trên cơ sở Luật mới này, FDA đã ban hành 07 quy tắc để thực hiện Luật gồm: (1) Kiểm soát phòng ngừa đối với thực phẩm cho người: Các cơ sở thực phẩm dành cho người đã đăng ký với FDA phải thực hiện một kế hoạch bằng văn bản xác định các mối nguy và vạch ra các biện pháp kiểm soát phòng ngừa thích hợp; (2) Kiểm soát Phòng ngừa đối với thức ăn chăn nuôi. Các cơ sở thức ăn chăn nuôi đã đăng ký với FDA phải thực hiện một kế hoạch bằng văn bản xác định các mối nguy và vạch ra các biện pháp kiểm soát phòng ngừa thích

<sup>1</sup> Đó là, các mối nguy về sinh học, bao gồm ký sinh trùng và vi khuẩn gây bệnh; các mối nguy về hoá học, bao gồm các mối nguy phóng xạ, thuốc trừ sâu và dư lượng thuốc, độc tố tự nhiên, phân huỷ thực phẩm, các chất phụ gia và tạo màu không được chấp thuận, và các chất gây dị ứng thực phẩm; các mối nguy vật lý, như nhiễm bẩn thủy tinh hoặc kim loại; các mối nguy gây ra bệnh hoặc thương tích xảy ra tự nhiên, hoặc xảy ra vô tình hay cố ý để đạt được lợi ích kinh tế, như thay thế một thành phần rẻ tiền hơn.

hợp; (3) Sản xuất an toàn: Thiết lập các tiêu chuẩn an toàn tối thiểu để trồng, thu hoạch, đóng gói và lưu trữ sản phẩm; (4) Chương trình xác minh nhà cung cấp nước ngoài: Các nhà nhập khẩu phải xác minh rằng các nhà cung cấp nước ngoài của họ tuân thủ các quy định của FDA; (5) Chứng nhận của bên thứ ba - Công nhận các tổ chức chứng nhận của bên thứ ba để quản lý các cuộc đánh giá tự vấn tự nguyện và theo quy định để giúp các công ty chuẩn bị cho các cuộc đánh giá theo quy định hoặc đạt được chứng nhận; (6) Bảo vệ thực phẩm (chống lại việc gian lận/ giả mạo/ trộn lẫn có chủ ý - quy tắc IA): các cơ sở thực phẩm đã đăng ký với FDA phải phát triển một kế hoạch đánh giá các lỗ hổng ô nhiễm và lập thành văn bản chiến lược giảm thiểu cho mỗi lỗ hổng đó; (7) Vận chuyển vệ sinh - yêu cầu mới đối với các công ty vận chuyển thực phẩm, bao gồm người gửi hàng, người nhận hàng, người bốc xếp và người vận chuyển phải tuân thủ các quy định bắt buộc.

## **2. Quản lý thực phẩm của Nhật Bản**

2.1- Nhật Bản xây dựng luật về ATTP từ rất sớm, ngay từ năm 1947. Đến nay, xứ sở mặt trời mọc là nơi có các tiêu chuẩn ATTP thuộc loại nghiêm ngặt nhất thế giới, với 06 bộ luật chính liên quan các lĩnh vực khác nhau, gồm:

(1) *Luật Cơ bản về an toàn thực phẩm*: đặt ra các nguyên tắc xây dựng khuôn khổ về ATTP và vai trò của Ủy ban ATTP quốc gia (FSC) - cơ quan đánh giá về các rủi ro liên quan đến thực phẩm;

(2) *Luật Vệ sinh thực phẩm*, thuộc quyền hạn của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi (MHLW) - cơ quan quản lý các rủi ro về thực phẩm liên quan vệ sinh và an toàn của thực phẩm, nước giải khát. Cơ quan này định ra các quy chuẩn và quy định đối với thực phẩm, nước giải khát, dụng cụ chế biến và vật dụng đựng thực phẩm hay bao bì đóng gói, chất phụ gia, chất gây ngộ độc và dư lượng hóa chất nông nghiệp và nghiêm cấm việc mua bán, nhập khẩu các loại thực phẩm có chất gây hại;

(3) *Luật Khuyến khích bảo vệ sức khỏe*: cũng thuộc thẩm quyền của MHLW, đưa ra các hướng dẫn và biện pháp thực hiện để nâng cao sức khỏe toàn dân. Một trong các biện pháp là tăng cường việc quản lý dinh dưỡng thực phẩm, với hệ thống đánh giá và dán nhãn hiệu “thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt” cho những nhóm khác nhau như trẻ sơ sinh, trẻ em, phụ nữ có thai, người đang bệnh....

(4) *Luật Tiêu chuẩn nông nghiệp Nhật Bản*: thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (MAFF) với hệ thống bảo đảm chất lượng cho các mặt hàng thực phẩm và đồ uống (trừ rượu ra) và sản phẩm lâm



nghiệp. Các bộ tiêu chuẩn nông nghiệp Nhật Bản (JAS) hay thực phẩm hữu cơ Nhật Bản (JAS Organic) do Bộ này xây dựng.

(5) *Luật Bảo vệ cây trồng và Luật kiểm soát bệnh truyền nhiễm trên động vật trong nước*: đều thuộc thẩm quyền của MAFF. Đây là cơ quan bảo vệ và ngăn ngừa bệnh tật ở động thực vật trong nước và nhập khẩu;

(6) *Luật Nhãn hiệu thực phẩm*: Cơ quan các vấn đề người tiêu dùng định ra các tiêu chuẩn về nhãn hiệu như quốc gia xuất xứ, chất gây dị ứng, ngày hết hạn, thực phẩm chức năng.

2.2- Pháp luật thực phẩm của Nhật Bản tập trung vào kiểm soát chặt chẽ nguy cơ gây mất ATTP; kiểm soát, đánh giá rủi ro trong quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm và kiểm soát thực phẩm nhập khẩu; tăng trách nhiệm của nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

a) *Về kiểm soát nguy cơ*: Ở Nhật Bản, cơ quan quản lý nguy cơ được thiết lập trong Bộ Lao động, Y tế và Phúc lợi, Bộ Nông nghiệp, Ngư nghiệp và Thủy sản, Cục bảo vệ người tiêu dùng.

- Bộ Lao động, Y tế và Phúc lợi, dựa theo Bộ Luật ATTP thực hiện các biện pháp sau: (1) Thực hiện phòng ngừa phát sinh các nguy hại về mặt vệ sinh an toàn do nguyên nhân ăn uống; (2) Tiến hành quản lý thực phẩm được sử dụng để buôn bán kinh doanh.

- Bộ Nông nghiệp, Ngư nghiệp và Thủy sản, thực thi các biện pháp dưới đây để bảo đảm cung cấp thực phẩm an toàn; (3) Các biện pháp quản lý nguy cơ liên quan đến quá trình sản xuất trong nghiệp vụ liên quan đến; (4) Các biện pháp quản lý nguy cơ liên quan đến quá trình sản xuất trong nghiệp vụ liên quan đến bảo đảm ATTP nông lâm thủy sản; (5) Các biện pháp thúc đẩy, cải tiến sản xuất, lưu thông, tiêu thụ và chế biến sản phẩm nông lâm thủy sản.

- Cục Bảo vệ người tiêu dùng (căn cứ vào Luật bảo vệ người tiêu dùng thi hành từ năm 2004), lấy sự "hỗ trợ về sự độc lập của người tiêu dùng" và "tôn trọng các quyền của người tiêu dùng" làm gốc, có tính kỹ đến yếu tố quốc tế hóa đời sống tiêu dùng để đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng. Liên quan đến việc đảm bảo an toàn an tâm đối với thực phẩm, các cơ quan đánh giá rủi ro cùng với các cơ quan quản lý rủi ro phải đứng trên quan điểm của người tiêu dùng, đóng vai trò nòng cốt trong việc cung cấp đầy đủ thông tin và tập hợp mọi ý kiến phản ánh của người tiêu dùng đối với các chính sách.

b) Về kiểm soát đầu ra của thực phẩm được tập trung chủ yếu vào việc kiểm thành phẩm cuối cùng mà người dân sử dụng và xử phạt rất nặng nếu có vi phạm.

- Việc kiểm soát đầu ra khiến cho những người bán thực phẩm, bán hàng ăn từ cửa tiệm nhỏ ở đường phố đến khách sạn 5 sao luôn phải tự ý thức được việc mình mua thực phẩm, phụ gia từ ai, ở đâu. Những khách sạn, nhà hàng lớn phải tự lập ra bộ phận chuyên trách kiểm tra chất lượng đầu vào, còn những cửa hàng nhỏ phải liên kết lại trong các tổ chức hợp tác xã để hỗ trợ nhau thông tin xuất xứ của hàng hoá đầu vào. Ở bất cứ cửa hàng nào bán đồ ăn của Nhật Bản đều thấy một cái bảng nhỏ ghi rõ xuất xứ của thực phẩm ngay bên cạnh (chẳng hạn cá ngừ từ Aomori, cá hồi từ Tottori, hàu từ Miyagi, rau xanh từ Hokkaido, Chiba hay Ibaraki...). Luật vệ sinh thực phẩm cũng quy định rất rõ về quy cách, tiêu chuẩn sản phẩm, ngoài các yêu cầu chung như không được chứa chất kháng sinh, không được chiếu tia phóng xạ vào thực phẩm nhằm mục đích bảo quản; sử dụng các chất phụ gia, bảo quản thực phẩm; sản xuất, chế biến từ các nguyên phụ liệu; cấm buôn bán đối với thực phẩm mới nghiên cứu phát triển; thịt gia súc, gia cầm nhiễm bệnh; yêu cầu xuất trình các tài liệu về thành phần thuốc nông dược; yêu cầu tổng hợp quá trình sản xuất quản lý vệ sinh thực phẩm (HACCP). Đối với các mặt hàng cụ thể thì có các yêu cầu riêng.

- Về tổ chức quản lý ATTP: Nhật Bản phân định rất rõ: (1) Cơ quan hoạch định chính sách về ATTP là Bộ Lao động, Y tế và Phúc lợi Nhật Bản được giao trọng trách quản lý ATTP trong tất cả quá trình sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu (thực hiện kiểm tra những sản phẩm nhập khẩu và cấp giấy chứng nhận ATTP cho những sản phẩm xuất khẩu căn cứ theo thỏa thuận song phương), lưu thông, tiêu dùng; (2) Cơ quan thực hiện chính sách về ATTP: (i) Cấp khu vực: Gồm 7 Cơ quan Y tế và Phúc lợi vùng (Regional Bureau of Health and Welfare) chịu trách nhiệm quản lý ATTP đối với những cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thông qua: Tư vấn, đánh giá cơ sở, thanh tra cơ sở, phê duyệt, gia hạn, thu hồi phê duyệt cơ sở. Bên cạnh đó, Cơ quan Y tế và Phúc lợi còn thanh tra và phê duyệt phòng kiểm nghiệm có thẩm quyền để thực hiện những thử nghiệm kiểm tra riêng của cơ sở; (ii) Cấp địa phương: Những Cơ quan địa phương (Prefectural and municipal Governments) chịu trách nhiệm về: Thanh tra cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm, cấp giấy phép kinh doanh, thu hồi giấy phép kinh doanh, đình chỉ hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, Nhật Bản còn có 549 Trung tâm Y tế cộng đồng (Public Health Centers) chịu sự giám sát từ Cơ quan địa phương mang trách nhiệm thanh tra, hướng dẫn cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm làm theo những quy định ATTP.



### 3. Pháp luật thực phẩm của Liên minh Châu Âu (EU)

Pháp luật của Liên minh châu Âu về thực phẩm được thực hiện dưới dạng các quy định của EU gồm trên 10 Quy định, được 27 nước trong cộng đồng áp dụng trực tiếp. Đây là một thị trường lớn với yêu cầu kiểm soát chặt chẽ, minh bạch đối với thực phẩm và thức ăn chăn nuôi.

**3.1. Quy định (EU) 178/2002** (Luật thực phẩm chung của EU) là văn bản luật quan trọng nhất đưa ra nguyên tắc và quy tắc chung về ATTP ở EU. Quy định này áp dụng cho tất cả các công đoạn sản xuất, chế biến và phân phối thực phẩm (từ trang trại đến bàn ăn). Quy định này áp dụng cho tất cả các khâu sản xuất, chế biến và phân phối thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Tuy nhiên, quy định này không áp dụng cho sản xuất cơ bản để tiêu dùng cá nhân hoặc chuẩn bị, phục vụ hoặc bảo quản thực phẩm để tiêu dùng trong gia đình.

*a) Nguyên tắc chính của luật pháp về thực phẩm của EU:* (1) Trách nhiệm đầu tiên đối với ATTP thuộc về cơ sở sản xuất và kinh doanh thực phẩm (FBO); (2) ATTP được đảm bảo trong suốt chuỗi thực phẩm “từ trang trại đến bàn ăn”, các quy trình đều dựa vào HACCP; (3) Nguyên tắc cân trọng: có thể áp dụng các biện pháp quản lý rủi ro tạm thời để bảo vệ sức khỏe ở mức độ cao mà không phải chờ đợi bằng chứng khoa học; (4) Minh bạch: tham vấn công chúng và thông tin; (5) Áp dụng yêu cầu vệ sinh chung cơ bản và yêu cầu cụ thể đối với các nhóm thực phẩm nhất định; (6) Đăng ký hoặc phê duyệt cơ sở thực phẩm; (7) Linh hoạt cho thực phẩm được sản xuất ở vùng xa (ví dụ: vùng núi cao, hải đảo và sản xuất theo phương pháp truyền thống).

*b) Mục tiêu chính của pháp luật EU về thực phẩm:* Để đảm bảo bảo vệ tính mạng và sức khỏe con người và bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng ở mức độ cao; đảm bảo thực hiện công bằng trong thương mại thực phẩm, trong đó có xét đến sức khỏe và phúc lợi động vật, sức khỏe thực vật và môi trường; tạo thuận lợi cho thương mại thực phẩm an toàn trên toàn cầu.

*c) Yêu cầu chính của Luật thực phẩm chung của EU:* (1) Thực phẩm (và thức ăn chăn nuôi) không được mất an toàn; (2) Việc ghi nhãn, quảng cáo và trình bày đối với thực phẩm không được làm người tiêu dùng hiểu nhầm; (3) Doanh nghiệp thực phẩm phải có khả năng xác định doanh nghiệp đã cung ứng cho mình thực phẩm, nguyên liệu hoặc động vật làm thực phẩm, và xác định doanh nghiệp được mình cung ứng sản phẩm; và cung cấp những thông tin này khi được yêu cầu; (4) Thực phẩm mất an toàn không được phép bán trên thị trường hoặc phải được thu hồi từ người tiêu dùng nếu đã được bán.



*d) Một số nội dung chính trong Luật chung của EU*

- *Truy xuất nguồn gốc là nền tảng trong chính sách ATTP của EU:* Luật thực phẩm chung của EU đưa ra yêu cầu bắt buộc truy xuất nguồn gốc đối với tất cả các doanh nghiệp thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Truy xuất nguồn gốc là công cụ quản lý nguy cơ, công cụ này cho phép FBO hoặc cơ quan có thẩm quyền thu hồi sản phẩm từ nhà phân phối hoặc thu hồi từ người tiêu dùng những sản phẩm được xác định là không an toàn<sup>2</sup>.

- *Hệ thống cảnh báo nhanh về thực phẩm và thức ăn chăn nuôi (RASFF):* Quy định (EC) 178/2002 là cơ sở pháp lý của RASFF. Ủy ban Châu Âu xây dựng cơ sở dữ liệu RASFF để đảm bảo thông tin minh bạch hết sức có thể cho người tiêu dùng, cơ sở kinh doanh và cơ quan có thẩm quyền trên toàn thế giới. RASFF là kết quả cụ thể và hữu hình của việc thống nhất trong EC. Việc trao đổi thông tin về thực phẩm và thức ăn chăn nuôi liên quan đến nguy cơ đối với sức khỏe con người giúp đảm bảo sao cho tất cả các nước thành viên EC đều có hành động nhất quán và cùng lúc. Nhờ có RASFF, nhiều nguy cơ đe dọa ATTP đã được ngăn chặn trước khi có thể gây hại cho người tiêu dùng.

**3.2. Quy định của EU về thuốc bảo vệ thực vật và dư lượng tối đa cho phép (MRL) trên thực phẩm (Quy định (EC) số 1107/2009, Quy định (EC) 396/2005).**

- Luật pháp của EU (đặc biệt là Chi thị của Hội đồng 79/117/EEC) trước đây cấm đưa ra thị trường và cấm sử dụng những loại thuốc bảo vệ thực vật có chứa một số hoạt chất có thể gây hại tới sức khỏe con người hoặc môi trường ngay cả khi sử dụng có kiểm soát. Từ ngày 14/6/2011, việc marketing thuốc bảo vệ thực vật tại EU phải tuân thủ Quy định (EC) số 1107/2009. Quy định này cấm sử dụng mọi hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật nếu không được phê duyệt theo Quy định. Hoạt chất chỉ được phê duyệt nếu chứng minh được hoạt chất đó và dư lượng của nó không gây hại ngay hoặc sau đó đối với sức khỏe con người và động vật và không có ảnh hưởng không thể chấp nhận được đối với môi trường. Hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật được phê duyệt ở EU được liệt kê tại Quy định thực hiện (EC) 540/2011 và các bản sửa đổi của Quy định thực hiện này. Cũng có thể tìm thấy Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được EU phê duyệt trên website Cơ sở dữ liệu thuốc bảo vệ thực vật của EU. Kể từ năm 2005, MRL được thiết lập, trong đó sử dụng cách tiếp cận hài hòa ở EU, theo Quy định (EC) 396/2005 (Quy định MRL) của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng về MRL

<sup>2</sup> Theo luật của EU, “truy xuất nguồn gốc” nghĩa là khả năng truy xuất và theo dõi bất kỳ thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, động vật làm thực phẩm hoặc chất sẽ được sử dụng để tiêu dùng, thông qua toàn bộ các công đoạn sản xuất, chế biến và phân phối.



trên hoặc trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc thực vật và động vật.

- Theo Quy định (EC) 396/2005, sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật không được chứa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nào vượt quá quy định cho phép.

### **3.3. Quy định của EU về chất gây ô nhiễm thực phẩm (không phải là thuốc bảo vệ thực vật) (Quy định Ủy ban (EC)1881/2006)**

EU đã ban hành Quy định Ủy ban (EC)1881/2006 về thiết lập mức tối đa đối với một số chất gây ô nhiễm nhất định trên thực phẩm. Mức tối đa này được thiết lập cho các chất gây ô nhiễm mà người tiêu dùng EU quan ngại nhất, do độ độc hoặc do có nguy cơ phổ biến trong chuỗi thực phẩm. Chất gây ô nhiễm quan trọng nhất trên thực phẩm có nguồn gốc thực vật được kiểm soát chặt chẽ ở EU gồm: mycotoxin, kim loại nặng (ví dụ: chì và cadmium), dioxin và nitrate. Đồng thời, EU còn ban hành các Luật về Yêu cầu của EU về các tiêu chí vi sinh Trong quy định EC/2073/2005; Yêu cầu vệ sinh chung của EU đối với rau quả chưa cắt sẵn và nước rau quả chưa tiệt trùng, cần tập trung vào cơ sở chế biến đạt yêu cầu vệ sinh chung nêu tại Phụ lục II của EC/852/2004;

### **3.4. Quy định về văn hóa ATTP (Quy định EU 2021/382)**

Quy định được ban hành vào ngày 3/3/2021 đã lồng ghép “Văn hóa an toàn thực phẩm” (FSC) vào nghĩa vụ của FBO (người sản xuất kinh doanh thực phẩm). Mục đích của văn hóa ATTP là nâng cao nhận thức và cải thiện hành vi của nhân viên về an toàn thực phẩm. Yêu cầu chung về văn hóa ATTP gồm có: (1) Người sản xuất kinh doanh thực phẩm (FBO) phải thiết lập, duy trì và cung cấp bằng chứng về văn hóa ATTP phù hợp bằng cách hoàn thành các yêu cầu như: (i) Cán bộ quản lý và nhân viên cam kết sản xuất và phân phối thực phẩm an toàn; (ii) Bộ phận lãnh đạo hướng tới sản xuất thực phẩm an toàn và thu hút tất cả nhân viên áp dụng các thực hành an toàn thực phẩm; (iii) Tất cả các nhân viên trong doanh nghiệp nhận thức được mối nguy đối với ATTP và tầm quan trọng của vệ sinh an toàn thực phẩm; (iv) Giao tiếp cởi mở và rõ ràng giữa tất cả nhân viên trong doanh nghiệp, trong từng hoạt động và giữa các hoạt động liên tiếp, trong đó có việc thông tin về các sai lệch và mong đợi; (v) Có đủ nguồn lực để đảm bảo chuẩn bị và chế biến thực phẩm an toàn, vệ sinh.

### **3.5. Yêu cầu của EU về thực phẩm chiếu xạ (Chỉ thị 1999/2/EC)**

Có thể xử lý sản phẩm bằng biện pháp chiếu xạ theo các điều khoản nêu trong Chỉ thị 1999/2/EC. Thực phẩm được xử lý bằng biện pháp chiếu xạ không được nhập khẩu từ nước thứ ba vào EU nếu không: tuân thủ các điều kiện áp dụng cho các loại thực phẩm đó; có kèm theo giấy tờ cho biết tên và địa chỉ của cơ sở chiếu xạ, và



giấy tờ này cung cấp thông tin mà EU yêu cầu; được xử lý tại cơ sở chiếu xạ được EU phê duyệt, cơ sở này nằm trong danh sách cơ sở đã được EU phê duyệt; trên nhãn mác và bao bì phải ghi rõ đã được chiếu xạ; thông tin cần thiết cho từng lô thực phẩm được xử lý bằng biện pháp chiếu xạ gồm có: số lô, người yêu cầu xử lý chiếu xạ, ngày chiếu xạ; vật liệu đóng gói được dùng trong xử lý; dữ liệu về kiểm soát quá trình chiếu xạ; tham chiếu việc đo lường thẩm định liều ban đầu.

### **3.6. Quy định về tiêu chuẩn marketing (Quy định (EU) 543/2011)**

Luật pháp Châu Âu đặt ra tiêu chuẩn marketing chung và cụ thể về chất lượng tối thiểu và độ chín tối thiểu của rau quả tươi. Các tiêu chuẩn này áp dụng cho cả chất lượng của sản phẩm và cách thức trình bày, phân loại và bán cho người tiêu dùng. Phần lớn rau quả đều phải tuân thủ Tiêu chuẩn marketing chung như nêu tại Phụ lục I, Phần A, Quy định (EU) 543/2011.

### **3.7. Quy định của EU về ghi nhãn và đóng gói (Quy định (EU) 1169/2011)**

Cách ghi nhãn thực phẩm nói chung và thông tin tối thiểu cần in trên bao bì đều được quy định thống nhất toàn EU, căn cứ vào Quy định (EU) 1169/2011. Bao bì và thùng giấy dùng trong thương mại FFV (trái cây và rau tươi) phải có các thông tin sau: Tên và địa chỉ của nhà đóng gói hoặc người gửi; Tên và giống của sản phẩm (nếu sản phẩm không nhìn thấy được từ bên ngoài bao bì); Nước xuất xứ; Loại và kích cỡ; số lô để truy xuất hoặc chứng nhận GLOBAL GAP; xử lý sau thu hoạch: ví dụ như chất chống mốc được dùng trong xử lý cam quýt sau thu hoạch, cần phải được ghi trên bao bì thương mại; chứng nhận hữu cơ, bao gồm cả tên của cơ quan kiểm tra và số chứng nhận (nếu có)... Bao bì lưu thông trên thị trường Châu Âu phải đáp ứng các yêu cầu chung, các yêu cầu này nhằm mục đích bảo vệ môi trường, cũng như tuân thủ các điều khoản cụ thể để ngăn ngừa mọi nguy cơ đối với sức khỏe của người tiêu dùng.

### **3.8. Văn bản pháp luật mới về thực phẩm hữu cơ tại EU (Quy định (EU) 2018/848).**

- Đây là văn bản luật pháp mới về hữu cơ, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022. Theo quy định mới này, sản phẩm nhập vào EU có thể được lưu thông trên thị trường là sản phẩm hữu cơ chỉ khi tuân thủ bộ quy tắc giống như sản phẩm sản xuất tại EU. Đây là sự chuyển dịch từ nguyên tắc tương đương sang nguyên tắc phù hợp. Trong quy định mới này sẽ có hai hệ thống nhập khẩu sản phẩm hữu cơ từ các nước không thuộc EU: Thỏa thuận thương mại: tất cả các nước thứ ba hiện được công nhận tương đương sẽ phải đàm phán lại các điều khoản của thỏa thuận thương mại theo quy trình mới của EU. Trong hệ

thống này, 13 nước thứ ba được công nhận gồm có: Argentina, Australia, Canada, Chile, Costa Rica, Ấn Độ, Israel, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thụy Sĩ, Tunisia, Hoa Kỳ và New Zealand; Cơ quan chứng nhận: nếu không có thỏa thuận thương mại, Ủy ban sẽ xây dựng danh sách các tổ chức/cơ quan kiểm tra được công nhận, các tổ chức /cơ quan này sẽ được ủy quyền để thực hiện kiểm tra và cấp chứng nhận ở nước thứ ba. Quy định này của EU sẽ được thực hiện như nhau cả trong và ngoài khối EU. Quy định cũng sẽ cho phép áp dụng linh hoạt trong một số trường hợp về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón thường được sử dụng tại nước thứ ba.

- Hiện nay, tại Việt Nam có hơn 10 tổ chức kiểm tra hữu cơ đã được EU công nhận đăng ký hoạt động. Các sản phẩm được nhập khẩu từ nước không phải là thành viên của EU có thể sẽ bị kiểm soát thêm hoặc đáp ứng thêm yêu cầu. Yêu cầu đối với chứng nhận kiểm tra điện tử: Tất cả các sản phẩm hữu cơ nhập khẩu vào EU đều phải có chứng nhận kiểm tra điện tử phù hợp (e-COI). Các sản phẩm này được quản lý thông qua hệ thống TRACES<sup>3</sup>. Chứng nhận kiểm tra gốc phải được trình cùng với sản phẩm hữu cơ nhập khẩu cho cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên EU. Thông thường, đó là cơ quan có thẩm quyền tại cửa khẩu nhập, hoặc điểm nhà nhập khẩu muốn giải phóng hàng để lưu thông tự do vào EU. Logo sản phẩm hữu cơ của EU giúp đưa ra đặc điểm nhận dạng hữu hình nhất quán cho sản phẩm hữu cơ do EU sản xuất và bán tại EU. Điều này giúp cho người tiêu dùng tại EU dễ dàng nhận dạng sản phẩm hữu cơ hơn và giúp nông dân tiếp thị sản phẩm ở tất cả các nước EU. Chỉ có thể dùng logo sản phẩm hữu cơ cho những sản phẩm đã được chứng nhận hữu cơ bởi cơ quan hay đơn vị kiểm soát được ủy quyền. Điều này có nghĩa là các sản phẩm đó đã đáp ứng điều kiện khắt khe về cách thức sản xuất, vận chuyển và bảo quản.

### **3.9. Kiểm soát chính thức ATTP của EU đối với sản phẩm nhập khẩu (Quy định EC 2017/625)**

- Kiểm soát chính thức về ATTP do cơ quan có thẩm quyền thực hiện để:

(1) Đảm bảo sự an toàn và toàn vẹn của tất cả thực phẩm, sản phẩm thực phẩm và nguyên liệu ở từng công đoạn trong chuỗi nông sản thực phẩm; (2) Xác minh

<sup>3</sup> Giấy chứng nhận có thể được chuẩn bị bởi nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu hoặc tổ chức kiểm tra của nhà xuất khẩu. Sau đó, chứng nhận này phải được cấp bởi tổ chức kiểm tra của nhà xuất khẩu theo 02 phương thức: (1) Nước tương đương: chứng nhận được cấp bởi tổ chức kiểm tra do cơ quan có thẩm quyền của nước đó chỉ định; (2) Tất cả các nước khác (trong đó có Việt Nam): chứng nhận được cấp bởi tổ chức kiểm tra do EU chỉ định. Nếu không có chứng nhận kiểm tra điện tử, sản phẩm sẽ không được thông quan tại cảng đến của EU.



rằng tất cả các đối tượng tham gia chuỗi nông sản thực phẩm đều tuân thủ yêu cầu pháp lý và tiêu chuẩn vệ sinh.

- Ủy ban Sức khỏe và An toàn thực phẩm của EC (DG-SANTE) chịu trách nhiệm về chính sách của EU đối với ATTP và sức khỏe, và chịu trách nhiệm giám sát thực thi các luật liên quan. Tổng vụ Directorate F – Kiểm tra và phân tích sức khỏe và thực phẩm là một phần của DG SANTE. Nhiệm vụ của Tổng vụ F là kiểm tra việc tuân thủ các yêu cầu luật pháp về an toàn và chất lượng thực phẩm, sức khỏe và phúc lợi động vật, và sức khỏe thực vật trong khối EU và nước thứ ba xuất sang EU.

**Nhận xét:** Pháp luật các nước đều hướng tới trách nhiệm của nhà sản xuất thực phẩm trên cơ sở truy xuất nguồn gốc thực phẩm; nhận diện và kiểm soát các mối nguy đối với ATTP, từ đó đề ra các phương thức kiểm soát thực phẩm thích hợp. Một số nước có đặt ra giới hạn kỹ thuật cho sản phẩm nhập khẩu dựa trên bằng chứng bảo đảm ATTP cho người tiêu dùng như thực phẩm chiếu xạ, thực phẩm hữu cơ.

## **B. THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

**I. Công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền của Chính phủ, các bộ ngành, Ủy ban nhân dân các cấp hướng dẫn thi hành Luật ATTP**

### **1- Số lượng, loại văn bản đã ban hành**

- Sau khi Luật ATTP được Quốc hội ban hành năm 2010, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2011, Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã xây dựng, trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền, gồm 01 Luật, 02 Chỉ thị của Thủ tướng, 17 Thông tư của Bộ Công Thương, 62 Thông tư của Bộ Y tế, 60 Thông tư của Bộ NN&PTNT (*chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo*).

- Ở các địa phương, tỉnh ủy, HĐND, UBND cấp tỉnh ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, tổ chức thực hiện Luật cho phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm của địa phương. Việc ban hành và thực hiện Chương trình OCOP “mỗi xã một sản phẩm” đã thúc đẩy nâng cao chất lượng sản phẩm trong sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm đặc sản của mỗi địa phương góp phần quảng bá văn hóa, thu hút du lịch; đưa quản lý ATTP vào chiều sâu, đi vào thực chất.

- Cùng với các văn bản pháp luật theo hệ thống pháp luật về ATTP thì trong giai đoạn 2011-2023 cũng có nhiều văn bản pháp luật mới được ban hành, sửa đổi có liên quan đến ATTP theo pháp luật về Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật, Thú y, Thủy sản, Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Đầu tư, Ngân sách nhà nước, Luật quảng cáo, Bộ Luật

Hình sự, Luật thanh tra, Luật xử lý vi phạm hành chính đã tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho công tác quản lý ATTP, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Đồng thời, các địa phương đã ban hành trên 1500 văn bản quản lý (*chi tiết tại phụ lục 1b kèm theo*).

## **2- Đánh giá**

### **2.1- Tính đầy đủ, đồng bộ, hội nhập quốc tế của các văn bản đã ban hành.**

- Nhìn chung, văn bản chính sách pháp luật về ATTP thời gian qua được ban hành tương đối đầy đủ và kịp thời; nhiều văn bản hướng dẫn thi hành Luật ATTP đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế<sup>4</sup>; các văn bản hướng dẫn thi hành Luật ATTP giai đoạn 2011-2023 về cơ bản đã bám sát quy định của Luật, sát thực với tình hình thực tế của địa phương và hội nhập quốc tế; (theo hướng quản lý theo phương thức hậu kiểm thay vì tiền kiểm như trước đây). Việc ban hành các văn bản đảm bảo tính đồng bộ trong chỉ đạo và triển khai thực hiện từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở.

- Hầu hết các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thực phẩm đều đã có quy định quản lý từ thực phẩm chức năng, phụ gia thực phẩm, thực phẩm tươi sống đến thức ăn đường phố, thực phẩm chiếu xạ, thực phẩm biến đổi gen...; các nội dung cần hướng dẫn trong Luật ATTP đều đã được cụ thể hóa trong Nghị định, Thông tư hướng dẫn.

- Quy định về phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP được quy định rõ ràng, cụ thể hơn giai đoạn trước, những lĩnh vực giao thoa trong công tác quản lý ATTP được phân định rõ, bảo đảm nguyên tắc: một cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ chịu sự quản lý của một cơ quan quản lý nhà nước, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

**2.2- Tiến độ ban hành văn bản:** Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật ATTP cơ bản đảm bảo tiến độ thời gian. Tuy nhiên, vẫn còn một số hướng dẫn ban hành chậm làm ảnh hưởng đến quá trình thực thi pháp luật về ATTP tại địa phương, cụ thể như hướng dẫn các chỉ tiêu an toàn (vi sinh, hóa học) cho các sản phẩm, nhóm sản phẩm thực phẩm để thuận lợi trong việc tư vấn, hướng dẫn cơ sở thực phẩm thực hiện việc công bố hợp quy/ đăng ký bản công bố/tự công bố sản phẩm khi Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ Y tế đã bãi

<sup>4</sup> như Nghị định hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ATTP được sửa đổi 2 lần. Đầu tiên là Nghị định số 38/2012/NĐ-CP, sau là Nghị định 15/2018/NĐ-CP; Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT được sửa đổi, hoàn thiện từ Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT, Thông tư 14/2011/TT-BNNPTNT; Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung từ Thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT); Thông tư số 17/2023/TT-BYT ngày 11/9/2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung 05 Thông tư: Thông tư số 43/2014/TT-BYT về quản lý thực phẩm chức năng, Thông tư số 24/2019/TT-BYT về quản lý phụ gia thực phẩm, Thông tư số 48/2015/TT-BYT quy định về hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế, Thông tư số 18/2019/TT-BYT về hướng dẫn Thực hành sản xuất tốt (GMP) trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe, Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT về Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm



bỏ gần như toàn bộ bởi Thông tư số 17/2023/TT-BYT ngày 25/9/2023 của Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành (Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT chỉ còn duy nhất nội dung Phần 7 về Chất hỗ trợ chế biến). Các văn bản pháp luật Việt Nam còn chậm cập nhật sự thay đổi về quy định mới về ATTP trên thế giới như quy định về miễn giảm kiểm tra thực phẩm nhập khẩu; quản lý điều kiện bảo đảm ATTP...

### 2.3- Về chất lượng văn bản, tính khả thi:

Các văn bản ban hành đúng thẩm quyền, bám sát yêu cầu về quản lý nhà nước về ATTP, bảo đảm tính khả thi đã tạo hành lang pháp lý toàn diện và tương đối đầy đủ phục vụ công tác quản lý ATTP phù hợp với thực tiễn tình hình tại địa phương; đảm bảo tính pháp lý và phù hợp với các quy định pháp luật của Nhà nước về bảo đảm an toàn thực phẩm; đảm bảo tính khả thi trong thực hiện và phù hợp với thực tiễn tình hình tại địa phương. Hầu hết các văn bản đã ban hành tương đối phù hợp với tình hình và sát với thực tế của địa phương, tạo điều kiện tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh thực phẩm trên địa bàn.

### 2.4- Về một số tồn tại, hạn chế:

- Hệ thống văn bản về quản lý chất lượng, ATTP tương đối đầy đủ nhưng số lượng văn bản còn nhiều gây khó khăn khi tra cứu, áp dụng phục vụ công tác quản lý ATTP của cơ quan quản lý và việc sản xuất, kinh doanh thực phẩm của cơ sở. Nội dung các văn bản hướng dẫn thi hành Luật ATTP tập trung nhiều vào các quy định về quản lý và kỹ thuật mà ít đề cập đến các quy định về nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu ATTP.

- Một số quy định và cấp chứng nhận hợp quy về công bố hợp quy đối với sản phẩm thực phẩm chưa phù hợp với thực tiễn (giai đoạn 2011-2017) vì số lượng sản phẩm thực phẩm nhiều nhưng số lượng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia còn ít; điều kiện sản xuất, kinh doanh chưa sát đối với hộ sản xuất nhỏ lẻ (tuy sản xuất nhỏ lẻ nhưng cung cấp một khối lượng thực phẩm rất lớn cho nhu cầu của xã hội nếu không chú ý quản lý đối tượng này sẽ dẫn đến nguy cơ ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm rất lớn).

- Còn thiếu quy định về quản lý như: quy định về chỉ tiêu ATTP đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật, chưa đồng bộ để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay<sup>5</sup>, quy định về phân cấp trong điều tra ngộ độc thực phẩm, quy định về thu hồi Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy/ đăng ký bản công bố sản phẩm, chưa ban hành quy

<sup>5</sup> ví dụ như chưa sửa đổi, bổ sung và ban hành Thông tư thay thế Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 31/12/2016 quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm cho phù hợp thông lệ quốc tế và qui định của Việt Nam).

chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, thiếu văn bản quy định về đảm bảo nguồn lực để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về ATTP; thiếu tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với các sản phẩm truyền thống của địa phương như tinh bột nghệ, dụng cụ ăn uống bằng tre và mo cau, men rượu...

- Do lĩnh vực ATTP rộng, liên quan đến nhiều quy định của nhiều pháp luật khác nhau nên một số quy định hướng dẫn Luật ATTP còn chưa đồng bộ. Ví dụ: quy định việc quản lý về ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP của 03 ngành chưa có sự thống nhất<sup>6</sup>; chưa thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về ATTP đối với loại hình kinh doanh dịch vụ ăn uống (cụ thể là loại hình nhà hàng trong khách sạn, bếp ăn tập thể không có đăng ký ngành nghề kinh doanh thực phẩm); chưa thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về ATTP đối với loại hình chợ...

- Một số khái niệm còn thiếu như sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn; chưa thống nhất giữa các luật như khái niệm “sản xuất thực phẩm” và “kinh doanh thực phẩm” chưa thống nhất giữa Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Luật ATTP; khái niệm “cấm sử dụng”, “danh mục được phép sử dụng”, “chưa được phép sử dụng”, “chưa được phép lưu hành tại Việt Nam”...chưa được thống nhất và giải thích rõ ràng trong các tiêu chuẩn và quy chuẩn để thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện Luật ATTP.

- Một số quy định còn chưa đồng bộ, khó triển khai. Cụ thể: tại điểm a, khoản 1 Điều 36 Luật ATTP, quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP trong đó quy định hồ sơ cấp có “Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về ATTP của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định của Bộ trưởng Bộ quản lý ngành”, khoản 1 Điều 10 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 5/2/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương quy định “Người trực tiếp sản xuất phải được tập huấn kiến thức ATTP và được chủ cơ sở xác nhận”. Tuy nhiên, các văn bản hướng dẫn Luật ATTP chưa quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm thuộc cơ quan nào thực hiện tập huấn kiến thức ATTP. Việc giao cho các doanh nghiệp, cá nhân tự tổ chức tập huấn không đảm bảo tính khách quan và tính hiệu quả trong thi hành pháp luật. Điều 37 Luật An toàn thực phẩm năm 2010 quy định giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm có hiệu lực trong thời gian 03 năm; trước 06 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP hết hạn, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải nộp hồ sơ xin cấp

<sup>6</sup> Đối với 02 ngành (NN&PTNT, Công thương) thì có các văn bản hướng dẫn quản lý bằng hình thức ký bản cam kết bảo đảm ATTP, riêng ngành Y tế không thực hiện hình thức ký bản cam kết bảo đảm ATTP.



lại...; như vậy, thời gian làm hồ sơ để cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP trước ngày hết hạn là quá dài, gây khó khăn cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm

## **II. Việc xây dựng, công bố, áp dụng tiêu chuẩn; xây dựng, ban hành, áp dụng quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm và các quy định kỹ thuật để quản lý.**

### **1- Kết quả đạt được**

- Theo thống kê chưa đầy đủ, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ công tác quản lý chất lượng ATTP gồm trên 2.000 tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; trên 68% TCVN được xây dựng trên cơ sở chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế. Chi tính riêng ngành nông nghiệp đã có 31 QCVN và 743 TCVN<sup>7</sup> làm công cụ kỹ thuật quản lý chất lượng, ATTP cho từng công đoạn theo chuỗi sản xuất kinh doanh sản phẩm nông, lâm thủy sản; về chất lượng đã tương đồng hoặc tiệm cận các chuẩn mực về an toàn thực phẩm của các tổ chức quốc tế (FAO, CODEX,...) và các nước có hệ thống quản lý ATTP tiên tiến (EU, Mỹ, Nhật,...). Ngành Y tế với trên 65 QCVN về phụ gia thực phẩm, sữa và sản phẩm sữa, bao bì, giới hạn chất ô nhiễm đối với thực phẩm; Xây dựng và chuyển Bộ Khoa học và Công nghệ công bố 123 TCVN về phương pháp thử; Xây dựng và ban hành quy định kỹ thuật về mức giới hạn đối với phụ gia thực phẩm; thuốc bảo vệ thực vật; vi chất dinh dưỡng trong thực phẩm và thuốc thú y trong thực phẩm... Ngành Công Thương đã xây dựng và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định và ban hành TCVN về Chợ kinh doanh thực phẩm phục vụ công tác quản lý ATTP. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để hướng dẫn các địa phương quản lý an toàn thực phẩm tại chợ kinh doanh thực phẩm, là cơ sở để chứng nhận chợ đạt chuẩn theo các cấp độ đề ra. Hiện nay Bộ Công Thương đã hỗ trợ và hướng dẫn 63/63 địa phương xây dựng mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, chợ theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11856:2017-Chợ kinh doanh thực phẩm, nhiều địa phương đã thực hiện và nhân rộng mô hình thí điểm chợ kinh doanh thực phẩm thành công hoặc huy động các nguồn vốn xã hội hóa để thực hiện.

- Việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về ATTP và các quy định kỹ thuật để quản lý đã được các cấp, ngành thực hiện nghiêm túc; kịp thời áp dụng, triển khai các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định về điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống do các Bộ NN&PTNT, Công Thương, Y tế ban hành. Hầu hết các cơ sở sản xuất, kinh doanh (SXKD) nông thủy sản lớn trên địa bàn các địa phương đều có ý thức áp

<sup>7</sup> Theo báo cáo số 7597/BNN-QLCL ngày 14/11/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn vào quá trình sản xuất, kinh doanh, đầu tư nâng cấp nhà xưởng phù hợp với hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến.

- Theo thống kê sơ bộ, đến tháng 6 năm 2024 đã có 38 tỉnh, thành phố ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt như Nghệ An, Cần thơ, Long An, Ninh Thuận....; tỉnh Trà Vinh đã ban hành 01 quy chuẩn kỹ thuật địa phương về Quy trình sản xuất và sản phẩm rượu Xuân Thạnh và 05 quy chuẩn kỹ thuật địa phương khác; tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành 04 quy chuẩn kỹ thuật về ATTP đối với các sản phẩm, thực phẩm sản xuất trên địa bàn tỉnh: Quy chuẩn địa phương đối với sản phẩm mè xừng Huế; Quy chuẩn địa phương đối với sản phẩm tôm chua Huế; Quy chuẩn địa phương đối với sản phẩm Chả Huế, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với sản phẩm ruốc Huế<sup>8</sup>.

- Việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật về ATTP và các quy định kỹ thuật đã được các Bộ ngành, Sở và UBND các cấp triển khai, phổ biến đến cơ sở, người dân.

## **2- Tồn tại, hạn chế**

- Hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ATTP được ban hành còn chưa đầy đủ gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Việc phân công các bộ xây dựng các quy định giới hạn ATTP cho các sản phẩm mình quản lý rồi chuyển cho Bộ Y tế ban hành chưa phù hợp, chưa đảm bảo thống nhất, đồng bộ, đầy đủ cho các sản phẩm do 03 bộ quản lý.

- Còn nhiều sản phẩm thực phẩm sản xuất nhỏ lẻ, các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có quy định của Bộ Y tế của các bộ ngành/ quy định quốc tế nên quá trình triển khai hậu kiểm còn gặp nhiều khó khăn. Tính đến thời điểm hiện tại, nhiều địa phương chưa xây dựng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với các sản phẩm mang tính đặc sản, đặc trưng vùng miền của địa phương (mắm, nem chua, tương, chè,...). Tỷ lệ các sản phẩm thực phẩm có áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về ATTP so với sản phẩm thực phẩm được sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ trên thị trường còn thấp. Hiện nay việc sản xuất sản phẩm rất đa dạng nhưng số lượng tiêu chuẩn, quy chuẩn chưa đảm bảo cho công tác quản lý vẫn còn thiếu, đặc biệt là đối với những thực phẩm truyền thống. Số lượng các Quy chuẩn địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý.

- Các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ rất khó áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về ATTP. Nhiều thực phẩm mang tính đặc sản vùng miền đang

<sup>8</sup> Theo báo cáo số 363/BC-UBND ngày 23/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế



được các địa phương phát triển thương hiệu hoặc sản phẩm OCOP (One Commune One Product - Mỗi xã một sản phẩm) nhưng vẫn chưa có quy chuẩn kỹ thuật địa phương để áp dụng, quản lý.

## **C- TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN LUẬT ATTP**

**I- Công tác chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện Luật ATTP của Chính phủ, bộ ngành, Ủy ban nhân dân các cấp**

### **1- Kết quả đạt được**

#### **1.1- Ở Trung ương:**

- Giai đoạn 2011-2023 đánh dấu sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với công tác bảo đảm ATTP. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, UBND các cấp theo chức năng nhiệm vụ được giao đã khẩn trương ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan chức năng thực hiện. Nhiều văn bản mang tính chiến lược đã được ban hành để chỉ đạo các bộ, ngành và địa phương triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm ATTP<sup>9</sup>.

- Thủ tướng Chính phủ thường xuyên chỉ đạo trực tiếp qua các buổi họp Ban chỉ đạo (BCĐ) liên ngành, giao ban trực tuyến với các địa phương về công tác ATTP hoặc trực tiếp thị sát, kiểm tra tình hình ATTP tại một số điểm nóng, qua đó đã giải quyết dứt điểm các vụ việc nóng như: gà nhập lậu, sử dụng chất cấm trong chăn nuôi (Salbutamol, vàng ô...) hay cá chết hàng loạt ở miền Trung do sự cố môi trường biển, các thông tin không chính xác liên quan đến nước mắm... Hoạt động của các BCĐ liên ngành đã được tăng cường cả ở Trung ương và địa phương. Nội dung hoạt động có nhiều sự đổi mới, tập trung vào thanh tra, kiểm tra liên ngành, xử lý sự cố ATTP, giải quyết các vướng mắc trong phân công, phân cấp quản lý ATTP<sup>10</sup>.

- Đoàn thanh tra liên ngành đã có sự đổi mới theo hướng tăng cường thanh tra đột xuất, áp dụng thí điểm thanh tra chuyên ngành ATTP tuyến huyện, xã<sup>11</sup>. Nhiều vấn đề vướng mắc trong quản lý ATTP đã được tháo gỡ, nhiều vụ vi

<sup>9</sup> Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật ATTP; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định 20/2018/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia ATTP giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030, Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới; UBND các tỉnh đã ban hành kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia ATTP làm căn cứ cho hoạt động quản lý ATTP của địa phương...

<sup>10</sup> đã ban hành 03 Thông tư liên tịch để xử lý các vấn đề liên ngành trong phân công, phối hợp quản lý ATTP.

<sup>11</sup> Theo Quyết định số 38/2015/QĐ-TTg, Quyết định số 47/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Thí điểm triển khai thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm tại huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và xã, phường, thị trấn thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố của 09 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Đồng Nai, Gia Lai



phạm pháp luật về ATTP bị phát hiện, bắt giữ kịp thời<sup>12</sup>. Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 38/2015/QĐ-TTg thí điểm triển khai thanh tra chuyên ngành ATTP tại quận, huyện, thị xã và phường, xã, thị trấn của Tp. Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh và Quyết định số 47/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thí điểm triển khai thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm tại huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và xã, phường, thị trấn thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố của 09 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Đồng Nai, Gia Lai bước đầu đã thành công.

- Thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới, các tỉnh đã tăng cường chỉ đạo công tác quản lý ATTP; chỉ đạo quyết liệt việc kiện toàn BCD liên ngành về ATTP các cấp với Chủ tịch UBND làm Trưởng ban nhằm nhấn mạnh vai trò và quy định trách nhiệm của người đứng đầu địa phương. Do vậy, công tác chỉ đạo, điều hành ATTP ở địa phương đã chuyển biến rõ rệt; trách nhiệm của các Bộ, ngành, cấp chính quyền đối với công tác ATTP được làm rõ, đề cao. Đến nay 52 tỉnh/thành phố có Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp làm Trưởng Ban chỉ đạo liên ngành về ATTP.

- Các Bộ Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương trong phạm vi quyền hạn của mình đã trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện Chiến lược quốc gia ATTP giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam 2011-2020; Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn 2045. Trên cơ sở chiến lược, các bộ đã xây dựng và ban hành các đề án như: Đề án đẩy mạnh hoạt động truyền thông về ATTP giai đoạn đến 2015, Đề án nâng cao năng lực thanh tra chuyên ngành ATTP, Đề án đào tạo nguồn nhân lực bảo đảm ATTP, Đề án quy hoạch tổng thể ngành nông nghiệp cả nước đến năm 2030; phát triển các chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn; Đề án “Tăng cường năng lực quản lý chất lượng ATTP nông lâm thủy sản giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2030”...trên cơ sở đó, cơ cấu lại các ngành sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng phát huy tiềm năng, lợi thế và đặc điểm, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và gắn với sản xuất hàng hoá, xuất khẩu; các văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện quản lý trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình.

<sup>12</sup> Như vụ giữ 411 tấn chân và và phù tạng tại tỉnh Lạng Sơn, thu giữ 202 tấn thực phẩm không rõ nguồn gốc tại tỉnh Nghệ An.



- Đối với ngành nông nghiệp, được phân công quản lý ATTP đối với 19/33 nhóm ngành hàng về ATTP, Bộ đã tập trung cho công tác xây dựng thể chế; cải cách hành chính mà trọng tâm là cắt giảm thủ tục hành chính, kiểm tra chuyên ngành, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Hàng năm, đã ban hành các chỉ thị, công điện, văn bản chỉ đạo về tăng cường quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, tăng cường kiểm tra, thanh tra ATTP, kiểm soát việc lạm dụng hóa chất, kháng sinh trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản; đồng thời, ban hành kế hoạch hành động năm cao điểm vệ sinh ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp; tập trung nguồn lực triển khai 04 nhiệm vụ trọng tâm là: (1) Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hướng dẫn thi hành Luật ATTP; (2) Tăng cường thông tin, truyền thông về ATTP, đặc biệt là giới thiệu, quảng bá các nông sản thực phẩm an toàn đến người tiêu dùng; (3) Phát triển các chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn; (4) Chuyển mạnh từ thanh tra theo kế hoạch sang thanh tra đột xuất nhằm ngăn chặn sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, hóa chất, kháng sinh trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

- Đối với ngành công thương: Được phân công quản lý đối với 8/33 nhóm ngành hàng về an toàn thực phẩm. Hàng năm thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, Bộ Công Thương tăng cường chỉ đạo công tác bảo đảm an toàn thực phẩm thông qua lồng ghép vào các chỉ đạo về bình ổn thị trường dịp cuối năm và Tết Nguyên đán, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại.

- Đối với ngành y tế được phân công quản lý đối với 6/33 nhóm sản phẩm đã thực hiện kiểm soát tốt đối với các nhóm ngành được phân công quản lý; xử lý và chỉ đạo kịp thời các vụ ngộ độc thực phẩm; theo dõi hướng dẫn công tác thí điểm thanh tra chuyên ngành, mô hình tổ chức Ban quản lý ATTP tại 3 tỉnh; các văn bản chỉ đạo, điều hành chung về công tác ATTP trong cả nước.

### **1.2- Ở địa phương:**

- Tỉnh ủy, HĐND, UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch, kết luận thực hiện các văn bản của Đảng về ATTP như: (1) hướng dẫn về tổ chức sản xuất, dồn điền đổi thửa, tổ chức các mô hình sản xuất hàng hóa tập trung trong lĩnh vực nông nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp; kế hoạch triển khai thực hiện các văn bản pháp luật cho phù hợp với điều kiện thực tế địa phương; (2) ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, triển khai công tác QLNN về ATTP; (3) giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đối với lĩnh vực ATTP; (4) thành lập, kiện toàn BCĐ liên ngành về ATTP do Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng Ban. Hiện 100% huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn đồng

chí Chủ tịch UBND làm Trưởng ban chỉ đạo theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Chính phủ.

- UBND cấp tỉnh kiện toàn BCĐ liên ngành về ATTP các cấp, trong đó Chủ tịch UBND làm Trưởng ban nhằm tăng cường vai trò và quy định trách nhiệm của người đứng đầu địa phương trong kiểm soát ATTP. Hằng năm, BCĐ liên ngành về ATTP cấp tỉnh ban hành kế hoạch, giao chỉ tiêu chuyên môn, hướng dẫn triển khai công tác QLNN về ATTP; chỉ đạo quán triệt các ngành, địa phương triển khai công tác ATTP theo quy định của Luật ATTP<sup>13</sup>; đánh giá xếp loại cấp huyện, xã về quản lý ATTP; hướng dẫn thực hiện các phương án xử trí sự cố về ATTP; tăng cường chỉ đạo, thực hiện vào các dịp cao điểm trong năm; định kỳ tổ chức hội nghị kiểm điểm công tác QLNN về ATTP để rút kinh nghiệm, định hướng triển khai nhiệm vụ trong kỳ kế tiếp. Các Sở, ngành thành viên BCĐ liên ngành về ATTP tỉnh; UBND cấp huyện, xã; Ủy ban MTTQ và các đơn vị thành viên các cấp: Căn cứ nội dung chỉ đạo của UBND, BCĐ liên ngành về ATTP tỉnh đã chủ động ban hành văn bản, chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thuộc ngành, địa phương, đoàn thể tích cực triển khai thường xuyên công tác truyền thông, thanh tra, kiểm tra về ATTP và phòng, chống các sự cố về ATTP; tăng cường thực hiện vào các dịp cao điểm trong năm như dịp Tết, lễ hội, Tháng hành động vì ATTP, mùa hè, các sự kiện được tổ chức trên địa bàn.

- UBND cấp tỉnh đã kịp thời ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành để hướng dẫn, cụ thể hóa quy định của Luật ATTP trong quản lý ATTP trên địa bàn; xây dựng các cơ chế chính sách hỗ trợ về nông nghiệp, nông thôn trình Hội đồng nhân dân (HĐND) ban hành phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội (KT-XH) của tỉnh. Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP; quy định phân công, phân cấp về ATTP đến các cấp chính quyền huyện, xã... Hoạt động cung cấp thông tin về ATTP cho người dân cho cộng đồng được thực hiện thường xuyên; triển khai các giải pháp bảo đảm ATTP tạo sự chuyển biến trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước về ATTP và nâng cao nhận thức của xã hội về bảo đảm ATTP.

- UBND cấp tỉnh đã tăng cường thông tin, truyền thông về ATTP, đặc biệt là giới thiệu, quảng bá các nông sản thực phẩm an toàn đến người tiêu dùng;

<sup>13</sup> trong đó giải pháp chỉ đạo nêu rõ: “Các cấp ủy Đảng, chính quyền tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, đơn vị chức năng thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm quản lý ATTP theo đúng quy định từ Điều 61 đến Điều 70 Luật ATTP; thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công, phân cấp quản lý của Chính phủ; các bộ, ngành Trung ương và của UBND tỉnh; kịp thời xử lý dứt điểm các điểm nóng về ATTP được dư luận xã hội, người tiêu dùng quan tâm, phản ánh trên địa bàn; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức trong việc chỉ đạo, thực hiện đảm bảo ATTP. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương từ cấp xã đến cấp tỉnh, hằng năm phải đưa công tác bảo đảm ATTP là một nhiệm vụ trọng tâm, phải chịu trách nhiệm khi để xảy ra vi phạm pháp luật về ATTP trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý”



công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật của nhà nước về ATTP với nhiều hình thức khác nhau, qua đó nâng cao được nhận thức của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm cũng như hiểu biết của người dân trong việc lựa chọn, sử dụng thực phẩm an toàn.

## **2- Tồn tại, hạn chế**

- Một số cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể còn xem nhẹ vai trò, vị trí của công tác ATTP nên chưa quan tâm đầu tư đúng mức trong lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, giáo dục, kiểm tra, giám sát công tác quản lý ATTP. Nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của người dân chưa cao nên vẫn còn tình trạng không tuân thủ những quy định của pháp luật.

- Việc thay đổi phương thức quản lý ATTP được quy định trong Nghị định 15/2018/NĐ-CP với việc chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” mở ra cơ hội cho các doanh nghiệp nhưng lại đặt ra mối lo ngại về quản lý chất lượng sản phẩm lưu thông trên thị trường. Các sản phẩm tự công bố một cách dễ dàng, không qua xét duyệt của các cơ quan chuyên môn. Trong khi đó hoạt động thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm do thiếu nhân lực, thiếu trang thiết bị cần thiết, thiếu kinh phí nên hoạt động hậu kiểm của cơ quan quản lý chỉ đáp ứng được một phần yêu cầu so với thực tế, hiệu lực hoạt động hạn chế, nhất là trong bối cảnh lượng sản phẩm tự công bố ngày càng phong phú. Vì vậy, từ khi thực hiện tự công bố đã tồn tại nhiều các sản phẩm công bố không đúng, không đầy đủ, thậm chí không công bố sản phẩm do mình sản xuất, kinh doanh, dẫn đến nhiều sản phẩm không được hậu kiểm.

- Phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về ATTP còn hạn chế; phần lớn cán bộ làm công tác ATTP cấp huyện, cấp xã hoạt động kiêm nhiệm nên hiệu quả chưa cao. Bên cạnh đó, thiếu công chức làm công tác thanh tra chuyên ngành. Lực lượng làm công tác an toàn thực phẩm còn thiếu, chưa được đầu tư nguồn lực tương xứng yêu cầu của công tác quản lý và khối lượng công việc được giao. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm thuộc Sở Y tế vừa thực hiện công tác bảo đảm an toàn thực phẩm liên ngành, đồng thời thực hiện công tác bảo đảm an toàn thực phẩm chuyên ngành lĩnh vực ngành Y tế quản lý là quá thiếu, những năm gần đây liên tục bị giảm chỉ tiêu biên chế được giao; cán bộ thực hiện quản lý về ATTP tại Sở Công Thương thực hiện công tác kiêm nhiệm, không có đơn vị quản lý an toàn thực phẩm riêng. Cán bộ quản lý ATTP tại các phòng Kinh tế, Nông thôn của Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao nhiệm vụ quản lý ATTP thuộc ngành Công Thương, Nông nghiệp; cán bộ quản lý ATTP tại UBND cấp xã cũng làm công tác kiêm nhiệm, chưa chuyên tâm và thiếu chuyên môn trong quản lý ATTP. Lực lượng cán bộ chuyên trách về ATTP



trong lĩnh vực công thương cấp quận, huyện, xã, phường hiện nay chưa được bố trí đầy đủ. Việc xử lý vi phạm sau thanh tra, kiểm tra có lúc không kịp thời, thiếu kiên quyết làm hạn chế hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý về an toàn thực phẩm.

- Phần lớn các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm chủ yếu là hộ gia đình, cơ sở nhỏ lẻ và hoạt động theo mùa vụ nên việc tiếp nhận và duy trì quy định về ATTP hạn chế. Số lượng các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy mô nhỏ lẻ trên địa bàn các tỉnh rất nhiều và thường xuyên biến động, trong khi Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ, cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ, nhà hàng trong khách sạn, bếp ăn tập thể không có đăng ký ngành nghề kinh doanh thực phẩm thuộc diện không phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Các cơ sở thực phẩm thuộc quản lý của ba ngành ở tuyến xã chủ yếu là kinh doanh nhỏ lẻ đa lĩnh vực nên việc phân loại hình thuộc ngành nào quản lý còn chưa rõ ràng, dẫn đến việc tổng hợp, thống kê, theo dõi và báo cáo số liệu tại tuyến xã độ chính xác chưa cao.

## **II. Tổ chức, kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý ATTP ở trung ương, cơ quan chuyên môn về quản lý ATTP ở địa phương**

### **1- Kết quả đạt được**

#### **1.1- Đã củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý từ trung ương tới địa phương đáp ứng yêu cầu tình hình mới**

- Tại Trung ương: Theo Luật ATTP, quản lý nhà nước về ATTP được phân công cho 03 bộ: Y tế, NN&PTNT, Công Thương quản lý theo chuỗi cung cấp thực phẩm với từng nhóm ngành hàng cụ thể: Bộ Y tế chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về ATTP. Tại mỗi bộ có đơn vị giúp Bộ trưởng trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ATTP. BCĐ liên ngành Trung ương về ATTP (cơ quan thường trực là Bộ Y tế) được thành lập do một Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban để chỉ đạo việc phối hợp hoạt động giữa các Bộ trong các vấn đề liên ngành.

+ Bộ Y tế đã kiện toàn tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Cục An toàn thực phẩm bảo đảm năng lực quản lý; tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị chức năng trong Bộ đảm đương thực hiện nhiệm vụ. Củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý và thanh tra chuyên ngành ATTP đáp ứng yêu cầu tình hình mới. rà soát, hoàn thiện phân công, phân cấp, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan cùng cấp cũng như giữa cấp trung ương và địa phương.

+ Bộ Công Thương: tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về ATTP được củng cố từ trung ương đến địa phương. Tại Trung ương, Bộ Công Thương giao Vụ Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối, tham mưu cơ chế chính sách và tổ chức triển khai



quản lý nhà nước về ATTP, phối hợp thực hiện là Tổng cục Quản lý thị trường và Vụ Thị trường trong nước.

+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: đã hình thành hệ thống cơ quan quản lý chất lượng, ATTP bao gồm Cục Chất lượng, Chế biến và phát triển thị trường làm đầu mối, **02** Tổng Cục (Thủy sản, Lâm nghiệp), **05** Cục chuyên ngành (Thú y, Bảo vệ thực vật, Trồng trọt, Chăn nuôi, Chế biến Nông lâm thủy sản và Nghề muối; Kinh tế Hợp tác và Phát triển nông thôn); Thanh tra Bộ NN&PTNT. Các đơn vị: Văn phòng Điều phối Quốc gia nông thôn mới; **02** Trung tâm (Tin học và Thống kê; Khuyến nông Quốc gia) phối hợp triển khai nhiệm vụ. Bộ đã rà soát, ban hành chức năng nhiệm vụ của các Cục, Tổng cục, trong đó làm rõ phân công nhiệm vụ quản lý vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm theo từng chuỗi sản phẩm. Bộ đã ban hành 02 Nghị quyết và 01 Kế hoạch triển khai thực hiện 02 Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương; chỉ đạo các đơn vị tiến hành rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu quả.

- Tại địa phương:

+ UBND các cấp thực hiện quản lý nhà nước về ATTP trong phạm vi địa phương. BCĐ liên ngành về ATTP các cấp (được thành lập tới cấp xã và đang được kiện toàn theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ với Chủ tịch UBND là Trưởng ban) có trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp hoạt động liên ngành tại địa phương. Có 03 tỉnh/thành phố thực hiện thí điểm mô hình Ban quản lý ATTP (Đà Nẵng, Hồ Chí Minh, Bắc Ninh). Sau khi tổng kết thí điểm mô hình Ban Quản lý ATTP, hiện nay thành phố Hồ Chí Minh đã thành lập Sở An toàn thực phẩm. Riêng tỉnh Cà Mau, UBND tỉnh đã chuyển chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành Công thương sang Sở Y tế chịu trách nhiệm quản lý.

+ Tham mưu giúp UBND huyện có các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện gồm: Văn phòng HĐND và UBND/Phòng Y tế; Phòng NN&PTNT, Phòng Kinh tế/Kinh tế hạ tầng.

**1.2- Hoàn thiện việc phân công, phân cấp; cơ chế phối hợp giữa các cơ quan cùng cấp cũng như giữa cấp trung ương và địa phương trong công tác quản lý nhà nước về ATTP.**

- Theo Luật ATTP, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quản lý nhà nước về ATTP được phân công cho ba Bộ: Y tế, NN&PTNT và Công Thương theo nguyên tắc quản lý theo chuỗi cung cấp thực phẩm với từng nhóm thực phẩm, ngành hàng cụ thể. Bộ Y tế chịu trách nhiệm chung đồng thời trực tiếp quản lý **06** nhóm ngành hàng; Bộ Công Thương quản lý **08** nhóm ngành hàng; Bộ



NN&PTNT quản lý 19 nhóm ngành hàng. Nghị định số 15/2018/NĐ-CP cũng phân định rõ trách nhiệm quản lý về ATTP của chính quyền địa phương để hạn chế tối đa chồng chéo trong quản lý. Bộ Y tế chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về ATTP. Tại mỗi bộ có đơn vị giúp Bộ trưởng trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ATTP. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 300/QĐ-TTg ngày 13/3/2018 về việc kiện toàn BCD liên ngành Trung ương về ATTP do một Phó Thủ tướng làm Trưởng ban để chỉ đạo việc phối hợp hoạt động giữa các Bộ trong các vấn đề liên ngành.

- Tại các địa phương đã có phân công, phân cấp trách nhiệm rõ ràng: (1) UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm trước Chính phủ về ATTP tại địa phương. Tham mưu giúp UBND tỉnh là Sở Y tế, Sở NN&PTNT, Sở Công Thương. Sở Y tế (Thường trực BCD liên ngành về ATTP) chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý nhà nước về ATTP trên địa bàn. Các sở đều có đơn vị giúp giám đốc Sở trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ATTP trên địa bàn<sup>14</sup>; (2) cấp huyện: UBND quận, huyện chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về ATTP trên phạm vi địa bàn. Tham mưu giúp UBND huyện có các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện gồm: Phòng Y tế; Phòng NN&PTNT hoặc Phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng; (3) Cấp xã: UBND xã, phường chịu trách nhiệm trước UBND quận, huyện về ATTP trên phạm vi địa bàn. Trạm Y tế xã, phường, thị trấn hiện nay chỉ có cán bộ chuyên môn làm chung các lĩnh vực y tế, trong đó có ATTP, chưa có chuyên trách trong lĩnh vực ATTP. Tại một số địa phương được giao cho 01 cán bộ kiêm nhiệm làm công tác ATTP chung của 3 ngành.

### ***1.3- Đã kiện toàn nhân lực cho các đơn vị QLNN và tham gia QLNN về ATTP; các đơn vị tuyến tỉnh đã củng cố, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra chuyên ngành về ATTP.***

- Về biên chế, nhân sự: Ở trung ương, các đơn vị thuộc Bộ NN&PTNT, Bộ Y tế, Bộ Công Thương cơ bản được bố trí đủ nguồn lực triển khai nhiệm vụ. Ở địa phương, giai đoạn 2011-2016, UBND các tỉnh, thành phố đã quan tâm bố trí biên chế (gồm công chức, viên chức và lao động hợp đồng) cho các Chi cục, trung bình mỗi Chi cục được giao 15,3 người, nhiều Chi cục được giao ít hơn 10 biên chế; giai đoạn 2016-2021 có nhiều biến động về tổ chức, nhân sự thực hiện

<sup>14</sup> Sở Y tế có Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm làm đầu mối; Sở Nông nghiệp và PTNT có Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản là cơ quan đầu mối cùng Chi cục Trồng trọt - Bảo vệ thực vật, Chi cục Chăn nuôi - Thú y, Chi cục Thủy sản có nhiệm vụ quản lý chất lượng VTNN, ATTP; Sở Công Thương có các phòng chức năng để tổ chức triển khai thực hiện công tác bảo đảm ATTP và thực hiện phân cấp quản lý ATTP trên địa bàn theo chỉ đạo của Bộ Công Thương và của UBND tỉnh/TP trực thuộc TW.



nhiệm vụ quản lý chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản do có sự sắp xếp, bố trí lại tổ chức nên có giảm.

- Theo số liệu thống kê từ 63 tỉnh/thành phố thì nhân lực làm công tác ATTP tuyển tỉnh là 3.536 người (trung bình mỗi tỉnh 65,47 người) cho cả 3 ngành; cấp huyện là 3.601 người, cấp xã là 24.062 người. Tính riêng biên chế chuyên làm công tác ATTP của 53 Chi Cục ATVSTP, 1 Sở An toàn thực phẩm, 02 Ban Quản lý ATTP, 8 Phòng ATTP thuộc Sở Y tế và 62 Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản là **2.373** người, trung bình mỗi chi cục có 19 biên chế. Ngành Công Thương không có bộ phận chuyên trách.

**1.4- Hoạt động của Ban chỉ đạo liên ngành ATTP được tăng cường:** Thực hiện quán triệt, triển khai các nội dung theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 và Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP trong tình hình mới, BCD liên ngành về VSATTP các cấp (được thành lập tới cấp xã và đang được kiện toàn theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ với Chủ tịch UBND là trưởng ban) có trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp hoạt động liên ngành tại địa phương, đến nay đã có **52** địa phương kiện toàn lại BCD do Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố làm Trưởng ban. Nhờ đó, hoạt động phối hợp liên ngành về quản lý ATTP cũng được đẩy mạnh, công tác ATTP được chỉ đạo sâu sát hơn từ tuyển tỉnh đến tuyển xã. Hàng năm, BCD liên ngành về ATTP tuyển tỉnh, huyện, xã thường xuyên được củng cố và kiện toàn. BCD liên ngành về ATTP tại các cấp do đồng chí Chủ tịch UBND làm Trưởng ban theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP. Thông qua hệ thống BCD liên ngành về ATTP từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã, công tác quản lý ATTP tại các địa phương cơ bản đã vận hành thống nhất và hiệu quả.

**1.5- Về thí điểm thành lập Ban Quản lý ATTP tại một số địa phương (Tp Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Bắc Ninh) đã đạt được những kết quả đáng kể:** Ban quản lý ATTP được thành lập trên cơ sở tiếp nhận nhân sự từ 03 Sở (Y tế, Công Thương, NN&PTNT), do đó việc thống nhất một đầu mối quản lý ATTP không làm tăng biên chế của tỉnh, thành phố. Do vậy, việc chỉ đạo, thực hiện, phối hợp trong công tác quản lý ATTP được chặt chẽ, hiệu quả; sử dụng tiết kiệm hiệu quả nguồn lực. Ban QLATTP tập trung được một đầu mối kiểm tra, thanh tra thuận lợi cho doanh nghiệp khi chỉ có một cơ quan quản lý ATTP tiến hành kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm với tần suất theo quy định, tránh chòng chéo giữa các ngành, các cấp, thuận lợi hơn so với trước khi thành lập Ban quản lý ATTP. Công tác hậu kiểm được tăng cường. Ban Quản lý ATTP

tập trung một đầu mối trong giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực ATTP đã tạo sự tin nhiệm và thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết các thủ tục hành chính về an toàn thực phẩm, đơn giản hóa thủ tục hành chính từ tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp phép, quản lý làm tăng tỷ lệ hài lòng của người dân đối với cung cấp dịch vụ hành chính công về an toàn thực phẩm.

- Đối với Ban quản lý ATTP thành phố Hồ Chí Minh: Căn cứ Nghị quyết số 98/2023-QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh đã thành lập Sở An toàn thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động từ ngày 1/1/2024.

- Đối với Ban Quản lý ATTP Đà Nẵng: UBND thành phố Đà Nẵng trình Chính phủ đề trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung đối với Nghị quyết số 119/2020/QH14 của Quốc hội về việc thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Đà Nẵng, trong đó có bổ sung nội dung thành lập Sở An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng.

Đối với Ban Quản lý ATTP Bắc Ninh: ngày 25/1/2024 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 105/QĐ-TTG về việc kéo dài thí điểm hoạt động của Ban Quản lý ATTP Bắc Ninh, kéo dài thời gian hoạt động của Ban Quản lý ATTP Bắc Ninh kể từ ngày 25/1/2024 cho đến khi có Quyết định của cơ quan có thẩm quyền đối với mô hình tổ chức chính thức về quản lý ATTP tỉnh Bắc Ninh. Đồng thời, Chính phủ đã giao Ủy ban nhân dân, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn việc kiêm nhiệm nhiệm vụ theo dõi công tác ATTP đối với công chức cấp xã<sup>15</sup>.

## **2-Tồn tại, hạn chế**

*2.1- Hệ thống quản lý, mô hình tổ chức bộ máy quản lý về ATTP trên toàn quốc chưa thống nhất, chưa tương xứng với nhiệm vụ được giao.*

Việc thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW tại các địa phương khác nhau nên một số địa phương đã sáp nhập các cơ quan chuyên môn. Đối với ngành Y tế, hệ thống Chi Cục ATVSTP tại các địa phương được thành lập theo quy định tại Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Tuy nhiên, hiện nay sau khi Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy

<sup>15</sup> Trong Nghị Quyết số 106/NQ-CP ngày 10/10/2017 về phiên họp thường kỳ tháng 9 năm 2017.



ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được ban hành, trong đó giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quyền thành lập, giải thể, sát nhập các Chi Cục thuộc Sở. Theo đó, một số tỉnh như Bắc Giang, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Bình Thuận, Bắc Cạn, Phú Yên, Tuyên Quang, Hậu Giang đã yêu cầu giải thể Chi Cục ATVSTP và thành lập Phòng ATTP thuộc Sở Y tế (một số địa phương khác cũng đang có xu hướng này). Việc giải thể Chi Cục ATVSTP ảnh hưởng tới sự thống nhất và đồng bộ của toàn bộ hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về ATTP từ trung ương tới địa phương, ảnh hưởng tới hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về ATTP của ngành Y tế nói riêng và lĩnh vực ATTP toàn quốc nói chung. Đối với ngành Nông nghiệp, các chi cục trong nông nghiệp thành đơn vị cấp phòng thuộc sở NN&PTNT gây khó khăn trong hoạt động; Hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y tại các địa phương cũng có nhiều xáo trộn do việc tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị trực thuộc Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gây nhiều khó khăn, bất cập trong công tác kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y và quản lý ATTP có nguồn gốc từ động vật.

*2.2- Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về ATTP còn phân tán, chưa tập trung đầu mối,*

- Tại tuyến tỉnh đang giao cho ba ngành quản lý dẫn đến việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyên môn có lúc hiệu quả chưa cao; tuyến xã chủ yếu hoạt động kiêm nhiệm, không có cán bộ chuyên trách nên trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về công tác quản lý ATTP còn hạn chế (một số nơi giao cho ngành Y tế đảm nhiệm các hoạt động về ATTP; ngành Công Thương không có cán bộ phụ trách công tác ATTP tuyến xã).

- Ở cấp tỉnh, cấp huyện: trừ ngành y tế có Chi cục ATVSTP; còn ngành nông nghiệp và công thương, tuy được giao quản lý ATTP nhưng không có bộ phận chuyên trách quản lý. Nhiều địa phương quản lý ATTP của lĩnh vực nông nghiệp được giao cho phòng Kinh tế nên chưa bố trí cán bộ chuyên trách làm nhiệm vụ quản lý về ATTP mà chủ yếu hoạt động kiêm nhiệm, lực lượng cán bộ mỏng nên việc tham mưu, quản lý còn nhiều hạn chế. Đối với ngành Công Thương, mới có hệ thống quản lý đến UBND các huyện, thành, thị. Tuyến tỉnh công tác quản lý nhà nước về ATTP giao cho các phòng thuộc Sở Công Thương kiêm nhiệm, trong đó Phòng Quản lý công nghiệp là đầu mối về quản lý ATTP và thực hiện quản lý nhà nước về ATTP trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thực phẩm, đồng thời phối hợp với Thanh tra Sở và các phòng chuyên môn thực hiện việc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, liên ngành về ATTP nhưng không

có bộ phận chuyên trách về ATTP dẫn đến tình trạng thiếu cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ phục vụ cho việc thanh tra, kiểm tra về ATTP.

- Tuyển dụng nguồn nhân lực còn mỏng và chưa có đầu mối về công tác ATTP; hiện tại chưa có cán bộ chuyên trách thực hiện công tác quản lý chất lượng ATTP, chủ yếu là kiêm nhiệm, trung bình 1 người/quận hoặc huyện. Đối với ngành nông nghiệp, do không có tổ chức Trạm Quản lý chất lượng (QLCL) trên địa bàn các huyện, thị xã nên rất khó khăn khi triển khai nhiệm vụ QLCL ở cơ sở, công tác theo dõi giám sát tổng hợp báo cáo không được thường xuyên, liên tục.

- Tuyển xã, phường, thị trấn: Ủy ban nhân dân xã, phường chịu trách nhiệm về ATTP trên phạm vi địa bàn. Tuy nhiên, trên thực tế không có cán bộ làm công tác chuyên trách ATTP lĩnh vực nông nghiệp ở cấp xã nên nhiệm vụ này giao cho cán bộ khuyến nông hoặc cán bộ phụ trách nông nghiệp, cán bộ văn hóa kiêm nhiệm. Các cơ sở thực phẩm thuộc quản lý của ngành Công Thương ở tuyến xã phụ thuộc hoàn toàn vào lực lượng quản lý thị trường nên việc quản lý, thống kê báo cáo không được kịp thời.

*2.3- Nguồn lực tại các địa phương chưa đáp ứng để triển khai đầy đủ các nhiệm vụ quản lý, thanh tra về ATTP theo phân công, phân cấp.*

- Nhân lực làm công tác ATTP còn ít, đa số kiêm nhiệm; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ ở cơ sở còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế. Nguồn lực, điều kiện làm việc, trang thiết bị cho công tác quản lý ATTP còn hạn chế. Biên chế cán bộ làm công tác quản lý chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản tại hệ thống Cục và các địa phương cũng như cơ sở vật chất phục vụ cho quản lý tại địa phương chưa đảm bảo yêu cầu, tiếp tục bị cắt giảm hàng năm. Đa số cán bộ làm công tác ATTP tuyến huyện, xã còn kiêm nhiệm nhiều việc, không được đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực ATTP, thường xuyên thay đổi vị trí công việc nên việc nắm bắt các nội dung của ATTP chưa sâu, đa số sản xuất kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ nên khó kiểm tra, giám sát, và thường xuyên thay đổi nhân sự nên rất khó khăn trong việc hướng dẫn và đào tạo chuyên sâu công tác ATTP; ở một số xã còn giao cho cán bộ văn hóa phụ trách kiêm nhiệm lĩnh vực ATTP. Nhân lực tuyến xã đặc biệt thiếu, chỉ có nhân lực của ngành y tế (thuộc trạm y tế xã) theo dõi công tác ATTP. Hiện nay tại các văn bản từ Luật ATTP, các Nghị định và các Thông tư chưa có văn bản nào quy định chức năng, nhiệm vụ của công chức cấp xã theo dõi về ATTP.

- Việc thực hiện cơ chế thí điểm Ban Quản lý ATTP ở một số địa phương như Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Bắc Ninh, Thành phố Đà Nẵng, Ban Quản lý ATTP còn một số lúng túng trong thanh tra, xử phạt vi phạm hành chính trong